

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN
ĐIỀU TRA THỐNG KÊ QUỐC GIA VỀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ
NĂM 2025

Thực hiện Quyết định số 2129/QĐ-BCT ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt Phương án và kinh phí thực hiện nhiệm vụ Điều tra thống kê quốc gia về thương mại điện tử năm 2025	Nghĩa vụ cung cấp thông tin được quy định theo Luật Thống kê
	Các thông tin cung cấp trong phiếu này chỉ phục vụ công tác thống kê và được bảo mật theo Luật định

I. THÔNG TIN CHUNG**1. Tên doanh nghiệp/hộ kinh doanh/hợp tác xã**

..... HKD Nghĩa Tây < Nguyễn Thị Nghĩa >

(Viết đầy đủ bằng chữ in hoa, có dấu)

Mã số thuế

0	3	0	1	8	4	0	0	7
---	---	---	---	---	---	---	---	---

8	1	9
---	---	---

2. Địa chỉ doanh nghiệp/hộ kinh doanh/hợp tác xã

- Tỉnh/thành phố:..... TP. Huế..... Phong.....

- Xã/ phường:..... Xã..... Hòa Tây.....

- Thôn ấp (số nhà, đường phố):..... Xóm..... 10..... Thôn..... Ngọc Điền.....

Mã khu vực

Số máy

- Số điện thoại:..... 0972 585 398.....

- Số fax:.....

- Địa chỉ email:.....

3. Loại hình hoạt động của thương nhân (chỉ chọn 1 câu trả lời)

- ☐ Doanh nghiệp Nhà nước
- ☐ Doanh nghiệp ngoài Nhà nước
- ☐ Doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài
- ☒ Hộ kinh doanh
- ☐ Hợp tác xã

4. Hình thức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ chính của thương nhân (chỉ chọn 1 câu trả lời)

- ☐ Trực tiếp sản xuất, kinh doanh hàng hóa
- ☐ Kinh doanh hàng hóa
- ☒ Cung ứng dịch vụ

5. Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ chính của thương nhân (chỉ chọn 1 câu trả lời)

- ☐ Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản
- ☐ Khai khoáng
- ☐ Công nghiệp chế biến, chế tạo
- ☐ Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí
- ☐ Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải
- ☐ Xây dựng
- ☐ Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác
- ☐ Vận tải, kho bãi
- ☐ Dịch vụ lưu trú và ăn uống
- ☐ Thông tin và truyền thông
- ☐ Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm
- ☐ Hoạt động kinh doanh bất động sản
- ☐ Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ
- ☐ Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ
- ☐ Giáo dục và đào tạo
- ☐ Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội
- ☐ Nghệ thuật, vui chơi và giải trí
- ☒ Hoạt động dịch vụ khác

II. TÌNH HÌNH ỨNG DỤNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

1. Thương nhân có sử dụng hợp đồng điện tử không ? (chỉ chọn 1 câu trả lời)

☐ Có

☒ Không

2. Thương nhân có sử dụng phần mềm tác nghiệp phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ không ? (chỉ chọn 1 câu trả lời)

☐ Có

☒ Không

Nếu có, có thể chọn 1 hoặc nhiều phần mềm tác nghiệp phục vụ hoạt động thương mại điện tử sau:

- ☐ Phần mềm quản lý bán hàng
- ☐ Các công cụ phân tích thương mại điện tử (Google Analytics,...)
- ☐ Kế toán, tài chính
- ☐ Quản lý hệ thống cung ứng (SCM)
- ☐ Quan hệ khách hàng (CRM)
- ☐ Lập kế hoạch nguồn lực (ERP)
- ☐ Digital marketing
- ☐ Phần mềm khác (ghi rõ tên phần mềm):

3. Thương nhân có áp dụng biện pháp bảo mật công nghệ thông tin và thương mại điện tử không? (chỉ chọn 1 câu trả lời)

☐ Có

☒ Không

Nếu có, chọn 1 hoặc nhiều biện pháp bảo mật công nghệ thông tin và thương mại điện tử sau:

- ☐ Tường lửa
- ☐ Phần mềm diệt virus
- ☐ Chữ ký số
- ☐ Biện pháp khác:

4. Thương nhân tham gia giao dịch thông qua website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử năm nào ? (chọn cho từng năm)

4.1. Năm 2023:

☐ Có

☒ Không

4.2. Năm 2024:

☐ Có

☒ Không

4.3. Dự kiến năm 2025:

☐ Có

☒ Không

5. Tỷ lệ chi phí đầu tư các hạng mục trong tổng chi phí mua sắm, trang bị, ứng dụng công nghệ thông tin và thương mại điện tử trong các năm 2023, 2024 và dự kiến năm 2025 là ? (tổng tỷ lệ 5 nội dung phải bằng 100%)

Nội dung chi phí	Năm 2023	Năm 2024	Dự kiến 2025
5.1. Tỷ lệ % chi phí mua, nâng cấp, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống cơ sở hạ tầng và phần cứng	0	0	0
5.2. Tỷ lệ % chi phí mua, thuê các phần mềm máy tính, các ứng dụng	0	0	0
5.3. Tỷ lệ % chi phí đào tạo, tập huấn, hướng dẫn nhân viên sử dụng phần cứng và phần mềm	0	0	0
5.4 Tỷ lệ % chi phí tiền lương trả cho nhân viên chuyên trách	0	0	0
5.5. Tỷ lệ % chi phí khác	0	0	0
Tổng cộng:	100%	100%	100%

6. Thương nhân có sở hữu website thương mại điện tử không ? (chỉ chọn 1 câu trả lời)

☐ Có

☒ Không

Nếu có, địa chỉ của website:.....

7. Thương nhân có ứng dụng thương mại điện tử trên thiết bị di động không ? (chỉ chọn 1 câu trả lời)

☐ Có

☒ Không

8. Thương nhân có đặt hàng qua mạng Internet (bằng email, qua các sàn giao dịch thương mại điện tử, tại website của đối tác, qua các trang mạng xã hội) ít nhất một lần/tháng không ? (chọn cho từng năm)

- 8.1. Năm 2023: ☐ Có ☒ Không
- 8.2. Năm 2024: ☐ Có ☒ Không
- 8.3. Dự kiến năm 2025: ☐ Có ☒ Không

9. Thương nhân có nhận đơn đặt hàng qua mạng Internet (bằng email, qua các sàn giao dịch thương mại điện tử, tại website của đối tác, qua các trang mạng xã hội) ít nhất một lần/tháng không ? (chọn cho từng năm)

- 9.1. Năm 2023: ☐ Có ☒ Không
- 9.2. Năm 2024: ☐ Có ☒ Không
- 9.3. Dự kiến năm 2025: ☐ Có ☒ Không

10. Tỷ lệ giá trị mua hàng trực tuyến trong tổng giá trị mua hàng của thương nhân (bao gồm trực tuyến và truyền thống) theo từng năm:

- 10.1. Năm 2023:0.....%.
- 10.2. Năm 2024:0.....%.
- 10.3. Dự kiến năm 2025:0.....%.

11. Tỷ lệ giá trị bán hàng trực tuyến trong tổng giá trị bán hàng của thương nhân (bao gồm trực tuyến và truyền thống) theo từng năm:

- 11.1. Năm 2023:0.....%.
- 11.2. Năm 2024:0.....%.
- 11.3. Dự kiến năm 2025:0.....%.

12. Doanh thu thương mại điện tử

- 12.1. Năm 2023:0.....VNĐ.
- 12.2. Năm 2024:0.....VNĐ.
- 12.3. Dự kiến năm 2025:0.....VNĐ.

13. Tình hình sử dụng dịch vụ công trực tuyến (chọn cho từng năm)

- 13.1. Năm 2023: ☐ Có ☒ Không
- 13.2. Năm 2024: ☐ Có ☒ Không
- 13.3. Dự kiến năm 2025: ☐ Có ☒ Không

13.4 Nếu đã từng sử dụng, đánh giá mức độ hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến

☐ Rất hài lòng

☐ Tương đối hài lòng

☐ Không hài lòng

14. Tình hình cung cấp dịch vụ thương mại điện tử

☐ Có

☒ Không

Nếu có, có thể chọn cung cấp nhiều dịch vụ:

- ☐ Xây dựng và thiết kế website
- ☐ Cung cấp các phần mềm tác nghiệp phục vụ TMĐT
- ☐ Cung cấp giải pháp thanh toán
- ☐ Chứng thực chữ ký điện tử
- ☐ Chứng thực hợp đồng điện tử
- ☐ Tư vấn ứng dụng TMĐT
- ☐ Các dịch vụ giá trị gia tăng khác về TMĐT
- ☐ Dịch vụ hỗ trợ khác (ghi rõ):

....., ngày..... tháng ... năm 2025

Cán bộ điều tra

(Ký, họ tên)

Người trả lời phiếu

(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ngô
Nguyễn Thị Ngô

Ngô
Nguyễn Thị Ngô

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN
ĐIỀU TRA THỐNG KÊ QUỐC GIA VỀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ
NĂM 2025

Thực hiện Quyết định số 2129/QĐ-BCT ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt Phương án và kinh phí thực hiện nhiệm vụ Điều tra thống kê quốc gia về thương mại điện tử năm 2025	Nghĩa vụ cung cấp thông tin được quy định theo Luật Thống kê
	Các thông tin cung cấp trong phiếu này chỉ phục vụ công tác thống kê và được bảo mật theo Luật định

I. THÔNG TIN CHUNG**1. Tên doanh nghiệp/hộ kinh doanh/hợp tác xã**

.....Hộ kinh doanh PHAM THỊ AN.....

(Viết đầy đủ bằng chữ in hoa, có dấu)

Mã số thuế

030186007

128

2. Địa chỉ doanh nghiệp/hộ kinh doanh/hợp tác xã

- Tỉnh/thành phố:.....Hải Phòng.....

- Xã/ phường:.....Hà Tây.....

- Thôn ấp (số nhà, đường phố):.....thôn Ngọc Đàm.....

Mã khu vực

Số máy

- Số điện thoại:.....0979.722.541.....

- Số fax:.....

- Địa chỉ email:.....

3. Loại hình hoạt động của thương nhân (chỉ chọn 1 câu trả lời)

- ☐ Doanh nghiệp Nhà nước
- ☐ Doanh nghiệp ngoài Nhà nước
- ☐ Doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài
- ☒ Hộ kinh doanh
- ☐ Hợp tác xã

4. Hình thức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ chính của thương nhân (chỉ chọn 1 câu trả lời)

- ☐ Trực tiếp sản xuất, kinh doanh hàng hóa
- ☒ Kinh doanh hàng hóa
- ☐ Cung ứng dịch vụ

5. Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ chính của thương nhân (chỉ chọn 1 câu trả lời)

- ☐ Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản
- ☐ Khai khoáng
- ☐ Công nghiệp chế biến, chế tạo
- ☐ Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí
- ☐ Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải
- ☐ Xây dựng
- ☒ Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác
- ☐ Vận tải, kho bãi
- ☐ Dịch vụ lưu trú và ăn uống
- ☐ Thông tin và truyền thông
- ☐ Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm
- ☐ Hoạt động kinh doanh bất động sản
- ☐ Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ
- ☐ Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ
- ☐ Giáo dục và đào tạo
- ☐ Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội
- ☐ Nghệ thuật, vui chơi và giải trí
- ☐ Hoạt động dịch vụ khác

II. TÌNH HÌNH ỨNG DỤNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

1. Thương nhân có sử dụng hợp đồng điện tử không ? (chỉ chọn 1 câu trả lời)

☐ Có

☒ Không

2. Thương nhân có sử dụng phần mềm tác nghiệp phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ không ? (chỉ chọn 1 câu trả lời)

☐ Có

☒ Không

Nếu có, có thể chọn 1 hoặc nhiều phần mềm tác nghiệp phục vụ hoạt động thương mại điện tử sau:

- ☐ Phần mềm quản lý bán hàng
- ☐ Các công cụ phân tích thương mại điện tử (Google Analytics,...)
- ☐ Kế toán, tài chính
- ☐ Quản lý hệ thống cung ứng (SCM)
- ☐ Quan hệ khách hàng (CRM)
- ☐ Lập kế hoạch nguồn lực (ERP)
- ☐ Digital marketing
- ☐ Phần mềm khác (ghi rõ tên phần mềm):

3. Thương nhân có áp dụng biện pháp bảo mật công nghệ thông tin và thương mại điện tử không? (chỉ chọn 1 câu trả lời)

☐ Có

☒ Không

Nếu có, chọn 1 hoặc nhiều biện pháp bảo mật công nghệ thông tin và thương mại điện tử sau:

- ☐ Tường lửa
- ☐ Phần mềm diệt virus
- ☐ Chữ ký số
- ☐ Biện pháp khác:.....

4. Thương nhân tham gia giao dịch thông qua website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử năm nào ? (chọn cho từng năm)

4.1. Năm 2023:

☐ Có

☒ Không

4.2. Năm 2024:

☐ Có

☒ Không

4.3. Dự kiến năm 2025:

☐ Có

☒ Không

5. Tỷ lệ chi phí đầu tư các hạng mục trong tổng chi phí mua sắm, trang bị, ứng dụng công nghệ thông tin và thương mại điện tử trong các năm 2023, 2024 và dự kiến năm 2025 là ? (tổng tỷ lệ 5 nội dung phải bằng 100%)

Nội dung chi phí	Năm 2023	Năm 2024	Dự kiến 2025
5.1. Tỷ lệ % chi phí mua, nâng cấp, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống cơ sở hạ tầng và phần cứng	0	0	0
5.2. Tỷ lệ % chi phí mua, thuê các phần mềm máy tính, các ứng dụng			
5.3. Tỷ lệ % chi phí đào tạo, tập huấn, hướng dẫn nhân viên sử dụng phần cứng và phần mềm			
5.4 Tỷ lệ % chi phí tiền lương trả cho nhân viên chuyên trách			
5.5. Tỷ lệ % chi phí khác			
Tổng cộng:	100%	100%	100%

6. Thương nhân có sở hữu website thương mại điện tử không ? (chỉ chọn 1 câu trả lời)

☐ Có ☒ Không

Nếu có, địa chỉ của website:.....

7. Thương nhân có ứng dụng thương mại điện tử trên thiết bị di động không ? (chỉ chọn 1 câu trả lời)

☐ Có ☒ Không

8. Thương nhân có đặt hàng qua mạng Internet (bằng email, qua các sàn giao dịch thương mại điện tử, tại website của đối tác, qua các trang mạng xã hội) ít nhất một lần/tháng không ? (chọn cho từng năm)

- 8.1. Năm 2023: ☐ Có ☒ Không
- 8.2. Năm 2024: ☐ Có ☒ Không
- 8.3. Dự kiến năm 2025: ☐ Có ☒ Không

9. Thương nhân có nhận đơn đặt hàng qua mạng Internet (bằng email, qua các sàn giao dịch thương mại điện tử, tại website của đối tác, qua các trang mạng xã hội) ít nhất một lần/tháng không ? (chọn cho từng năm)

- 9.1. Năm 2023: ☐ Có ☒ Không
- 9.2. Năm 2024: ☐ Có ☒ Không
- 9.3. Dự kiến năm 2025: ☐ Có ☒ Không

10. Tỷ lệ giá trị mua hàng trực tuyến trong tổng giá trị mua hàng của thương nhân (bao gồm trực tuyến và truyền thống) theo từng năm:

- 10.1. Năm 2023:0.....%
- 10.2. Năm 2024:0.....%
- 10.3. Dự kiến năm 2025:0.....%

11. Tỷ lệ giá trị bán hàng trực tuyến trong tổng giá trị bán hàng của thương nhân (bao gồm trực tuyến và truyền thống) theo từng năm:

- 11.1. Năm 2023:0.....%
- 11.2. Năm 2024:0.....%
- 11.3. Dự kiến năm 2025:0.....%

12. Doanh thu thương mại điện tử

- 12.1. Năm 2023:0.....VND.
- 12.2. Năm 2024:0.....VND.
- 12.3. Dự kiến năm 2025:0.....VND.

13. Tình hình sử dụng dịch vụ công trực tuyến (chọn cho từng năm)

- 13.1. Năm 2023: ☐ Có ☒ Không
- 13.2. Năm 2024: ☐ Có ☒ Không
- 13.3. Dự kiến năm 2025: ☐ Có ☒ Không

13.4 Nếu đã từng sử dụng, đánh giá mức độ hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến

☐ Rất hài lòng

☐ Tương đối hài lòng

☐ Không hài lòng

14. Tình hình cung cấp dịch vụ thương mại điện tử

☐ Có ☒ Không

Nếu có, có thể chọn cung cấp nhiều dịch vụ:

- ☐ Xây dựng và thiết kế website
- ☐ Cung cấp các phần mềm tác nghiệp phục vụ TMĐT
- ☐ Cung cấp giải pháp thanh toán
- ☐ Chứng thực chữ ký điện tử
- ☐ Chứng thực hợp đồng điện tử
- ☐ Tư vấn ứng dụng TMĐT
- ☐ Các dịch vụ giá trị gia tăng khác về TMĐT
- ☐ Dịch vụ hỗ trợ khác (ghi rõ):

....., ngày..... tháng ... năm 2025

Cán bộ điều tra

(Ký, họ tên)

Người trả lời phiếu

(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phạm Thị An

Phạm Thị An

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN
ĐIỀU TRA THỐNG KÊ QUỐC GIA VỀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ
NĂM 2025

Thực hiện Quyết định số 2129/QĐ-BCT ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt Phương án và kinh phí thực hiện nhiệm vụ Điều tra thống kê quốc gia về thương mại điện tử năm 2025	Nghĩa vụ cung cấp thông tin được quy định theo Luật Thống kê
	Các thông tin cung cấp trong phiếu này chỉ phục vụ công tác thống kê và được bảo mật theo Luật định

I. THÔNG TIN CHUNG**1. Tên doanh nghiệp/hộ kinh doanh/hợp tác xã**

.....HỢP DOANH TRUNG SƠN.....

(Viết đầy đủ bằng chữ in hoa, có dấu)

Mã số thuế

0	3	0	2	0	1	0	0	9
---	---	---	---	---	---	---	---	---

1	1	5
---	---	---

2. Địa chỉ doanh nghiệp/hộ kinh doanh/hợp tác xã

- Tỉnh/thành phố:.....Hải Phòng.....

- Xã/ phường:.....Hải Tân.....

- Thôn ấp (số nhà, đường phố):.....Ngôi 1.....

Mã khu vực

Số máy

- Số điện thoại:.....0365.618.343.....

- Số fax:.....

- Địa chỉ email:.....

3. Loại hình hoạt động của thương nhân (chỉ chọn 1 câu trả lời)

- ☐ Doanh nghiệp Nhà nước
- ☐ Doanh nghiệp ngoài Nhà nước
- ☐ Doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài
- ☒ Hộ kinh doanh
- ☐ Hợp tác xã

4. Hình thức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ chính của thương nhân (chỉ chọn 1 câu trả lời)

- ☐ Trực tiếp sản xuất, kinh doanh hàng hóa
- ☒ Kinh doanh hàng hóa
- ☐ Cung ứng dịch vụ

5. Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ chính của thương nhân (chỉ chọn 1 câu trả lời)

- ☐ Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản
- ☐ Khai khoáng
- ☐ Công nghiệp chế biến, chế tạo
- ☐ Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí
- ☐ Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải
- ☐ Xây dựng
- ☒ Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác
- ☐ Vận tải, kho bãi
- ☐ Dịch vụ lưu trú và ăn uống
- ☐ Thông tin và truyền thông
- ☐ Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm
- ☐ Hoạt động kinh doanh bất động sản
- ☐ Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ
- ☐ Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ
- ☐ Giáo dục và đào tạo
- ☐ Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội
- ☐ Nghệ thuật, vui chơi và giải trí
- ☐ Hoạt động dịch vụ khác

II. TÌNH HÌNH ỨNG DỤNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

1. Thương nhân có sử dụng hợp đồng điện tử không ? (chỉ chọn 1 câu trả lời)

☐ Có

☒ Không

2. Thương nhân có sử dụng phần mềm tác nghiệp phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ không ? (chỉ chọn 1 câu trả lời)

☒ Có

☐ Không

Nếu có, có thể chọn 1 hoặc nhiều phần mềm tác nghiệp phục vụ hoạt động thương mại điện tử sau:

- ☐ Phần mềm quản lý bán hàng
- ☒ Các công cụ phân tích thương mại điện tử (Google Analytics,...)
- ☐ Kế toán, tài chính
- ☐ Quản lý hệ thống cung ứng (SCM)
- ☐ Quan hệ khách hàng (CRM)
- ☐ Lập kế hoạch nguồn lực (ERP)
- ☐ Digital marketing
- ☐ Phần mềm khác (ghi rõ tên phần mềm):

3. Thương nhân có áp dụng biện pháp bảo mật công nghệ thông tin và thương mại điện tử không? (chỉ chọn 1 câu trả lời)

☒ Có

☐ Không

Nếu có, chọn 1 hoặc nhiều biện pháp bảo mật công nghệ thông tin và thương mại điện tử sau:

- ☐ Tường lửa
- ☒ Phần mềm diệt virus
- ☐ Chữ ký số
- ☐ Biện pháp khác:.....

4. Thương nhân tham gia giao dịch thông qua website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử năm nào ? (chọn cho từng năm)

4.1. Năm 2023:

☐ Có

☒ Không

4.2. Năm 2024:

☐ Có

☒ Không

4.3. Dự kiến năm 2025:

☒ Có

☐ Không

5. Tỷ lệ chi phí đầu tư các hạng mục trong tổng chi phí mua sắm, trang bị, ứng dụng công nghệ thông tin và thương mại điện tử trong các năm 2023, 2024 và dự kiến năm 2025 là ? (tổng tỷ lệ 5 nội dung phải bằng 100%)

Nội dung chi phí	Năm 2023	Năm 2024	Dự kiến 2025
5.1. Tỷ lệ % chi phí mua, nâng cấp, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống cơ sở hạ tầng và phần cứng	0	0	10
5.2. Tỷ lệ % chi phí mua, thuê các phần mềm máy tính, các ứng dụng	0	0	5
5.3. Tỷ lệ % chi phí đào tạo, tập huấn, hướng dẫn nhân viên sử dụng phần cứng và phần mềm	0	0	0
5.4 Tỷ lệ % chi phí tiền lương trả cho nhân viên chuyên trách	0	0	0
5.5. Tỷ lệ % chi phí khác	0	0	85
Tổng cộng:	100%	100%	100%

6. Thương nhân có sở hữu website thương mại điện tử không ? (chỉ chọn 1 câu trả lời)

☐ Có

☒ Không

Nếu có, địa chỉ của website:.....

7. Thương nhân có ứng dụng thương mại điện tử trên thiết bị di động không ? (chỉ chọn 1 câu trả lời)

☒ Có

☐ Không

8. Thương nhân có đặt hàng qua mạng Internet (bằng email, qua các sàn giao dịch thương mại điện tử, tại website của đối tác, qua các trang mạng xã hội) ít nhất một lần/tháng không ? (chọn cho từng năm)

- 8.1. Năm 2023: ☐ Có ☒ Không
- 8.2. Năm 2024: ☐ Có ☒ Không
- 8.3. Dự kiến năm 2025: ☒ Có ☐ Không

9. Thương nhân có nhận đơn đặt hàng qua mạng Internet (bằng email, qua các sàn giao dịch thương mại điện tử, tại website của đối tác, qua các trang mạng xã hội) ít nhất một lần/tháng không ? (chọn cho từng năm)

- 9.1. Năm 2023: ☐ Có ☒ Không
- 9.2. Năm 2024: ☐ Có ☒ Không
- 9.3. Dự kiến năm 2025: ☒ Có ☐ Không

10. Tỷ lệ giá trị mua hàng trực tuyến trong tổng giá trị mua hàng của thương nhân (bao gồm trực tuyến và truyền thống) theo từng năm:

- 10.1. Năm 2023:0.....%
- 10.2. Năm 2024:0.....%
- 10.3. Dự kiến năm 2025:100.....%

11. Tỷ lệ giá trị bán hàng trực tuyến trong tổng giá trị bán hàng của thương nhân (bao gồm trực tuyến và truyền thống) theo từng năm:

- 11.1. Năm 2023:0.....%
- 11.2. Năm 2024:0.....%
- 11.3. Dự kiến năm 2025:100.....%

12. Doanh thu thương mại điện tử

- 12.1. Năm 2023:0.....VNĐ.
- 12.2. Năm 2024:0.....VNĐ.
- 12.3. Dự kiến năm 2025:300.000.000.....VNĐ.

13. Tình hình sử dụng dịch vụ công trực tuyến (chọn cho từng năm)

- 13.1. Năm 2023: ☐ Có ☒ Không
- 13.2. Năm 2024: ☐ Có ☒ Không
- 13.3. Dự kiến năm 2025: ☒ Có ☐ Không

13.4 Nếu đã từng sử dụng, đánh giá mức độ hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến

☐ Rất hài lòng

☒ Tương đối hài lòng

☐ Không hài lòng

14. Tình hình cung cấp dịch vụ thương mại điện tử

☒ Có ☐ Không

Nếu có, có thể chọn cung cấp nhiều dịch vụ:

- ☐ Xây dựng và thiết kế website
- ☐ Cung cấp các phần mềm tác nghiệp phục vụ TMĐT
- ☒ Cung cấp giải pháp thanh toán
- ☐ Chứng thực chữ ký điện tử
- ☐ Chứng thực hợp đồng điện tử
- ☐ Tư vấn ứng dụng TMĐT
- ☐ Các dịch vụ giá trị gia tăng khác về TMĐT
- ☐ Dịch vụ hỗ trợ khác (ghi rõ):

....., ngày..... tháng ... năm 2025

Cán bộ điều tra

(Ký, họ tên)

Người trả lời phiếu

(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Sơn
Phạm Trung Sơn

Sơn
Phạm Trung Sơn .

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN
ĐIỀU TRA THỐNG KÊ QUỐC GIA VỀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ
NĂM 2025

Thực hiện Quyết định số 2129/QĐ-BCT ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt Phương án và kinh phí thực hiện nhiệm vụ Điều tra thống kê quốc gia về thương mại điện tử năm 2025	Nghĩa vụ cung cấp thông tin được quy định theo Luật Thống kê
	Các thông tin cung cấp trong phiếu này chỉ phục vụ công tác thống kê và được bảo mật theo Luật định

I. THÔNG TIN CHUNG**1. Tên doanh nghiệp/hộ kinh doanh/hợp tác xã**

..... HKD Nguyễn Danh Xô

(Viết đầy đủ bằng chữ in hoa, có dấu)

Mã số thuế

0	3	0	0	6	2	0	0	7
---	---	---	---	---	---	---	---	---

2	1	2
---	---	---

2. Địa chỉ doanh nghiệp/hộ kinh doanh/hợp tác xã

- Tỉnh/thành phố:..... Hải Phòng

- Xã/ phường:..... Hà Tân

- Thôn ấp (số nhà, đường phố):..... Thôn Sông Đông

Mã khu vực

Số máy

- Số điện thoại:..... 0986.432.719

- Số fax:.....

- Địa chỉ email:.....

3. Loại hình hoạt động của thương nhân (chỉ chọn 1 câu trả lời)

- ☐ Doanh nghiệp Nhà nước
- ☐ Doanh nghiệp ngoài Nhà nước
- ☐ Doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài
- ☒ Hộ kinh doanh
- ☐ Hợp tác xã

4. Hình thức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ chính của thương nhân (chỉ chọn 1 câu trả lời)

- ☐ Trực tiếp sản xuất, kinh doanh hàng hóa
- ☐ Kinh doanh hàng hóa
- ☒ Cung ứng dịch vụ

5. Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ chính của thương nhân (chỉ chọn 1 câu trả lời)

- ☐ Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản
- ☐ Khai khoáng
- ☐ Công nghiệp chế biến, chế tạo
- ☐ Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí
- ☐ Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải
- ☐ Xây dựng
- ☐ Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác
- ☐ Vận tải, kho bãi
- ☒ Dịch vụ lưu trú và ăn uống
- ☐ Thông tin và truyền thông
- ☐ Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm
- ☐ Hoạt động kinh doanh bất động sản
- ☐ Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ
- ☐ Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ
- ☐ Giáo dục và đào tạo
- ☐ Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội
- ☐ Nghệ thuật, vui chơi và giải trí
- ☐ Hoạt động dịch vụ khác

II. TÌNH HÌNH ỨNG DỤNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

1. Thương nhân có sử dụng hợp đồng điện tử không ? (chỉ chọn 1 câu trả lời)

- ☐ Có ☒ Không

2. Thương nhân có sử dụng phần mềm tác nghiệp phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ không ? (chỉ chọn 1 câu trả lời)

- ☐ Có ☒ Không

Nếu có, có thể chọn 1 hoặc nhiều phần mềm tác nghiệp phục vụ hoạt động thương mại điện tử sau:

- ☐ Phần mềm quản lý bán hàng
- ☐ Các công cụ phân tích thương mại điện tử (Google Analytics,...)
- ☐ Kế toán, tài chính
- ☐ Quản lý hệ thống cung ứng (SCM)
- ☐ Quan hệ khách hàng (CRM)
- ☐ Lập kế hoạch nguồn lực (ERP)
- ☐ Digital marketing
- ☐ Phần mềm khác (ghi rõ tên phần mềm):

3. Thương nhân có áp dụng biện pháp bảo mật công nghệ thông tin và thương mại điện tử không? (chỉ chọn 1 câu trả lời)

- ☐ Có ☒ Không

Nếu có, chọn 1 hoặc nhiều biện pháp bảo mật công nghệ thông tin và thương mại điện tử sau:

- ☐ Tường lửa
- ☐ Phần mềm diệt virus
- ☐ Chữ ký số
- ☐ Biện pháp khác:.....

4. Thương nhân tham gia giao dịch thông qua website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử năm nào ? (chọn cho từng năm)

- | | | |
|------------------------|--------------------------|--|
| 4.1. Năm 2023: | ☐ Có | ☒ Không |
| 4.2. Năm 2024: | ☐ Có | ☒ Không |
| 4.3. Dự kiến năm 2025: | ☐ Có | ☒ Không |

5. Tỷ lệ chi phí đầu tư các hạng mục trong tổng chi phí mua sắm, trang bị, ứng dụng công nghệ thông tin và thương mại điện tử trong các năm 2023, 2024 và dự kiến năm 2025 là ? (tổng tỷ lệ 5 nội dung phải bằng 100%)

Nội dung chi phí	Năm 2023	Năm 2024	Dự kiến 2025
5.1. Tỷ lệ % chi phí mua, nâng cấp, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống cơ sở hạ tầng và phần cứng	0	0	0
5.2. Tỷ lệ % chi phí mua, thuê các phần mềm máy tính, các ứng dụng			
5.3. Tỷ lệ % chi phí đào tạo, tập huấn, hướng dẫn nhân viên sử dụng phần cứng và phần mềm			
5.4 Tỷ lệ % chi phí tiền lương trả cho nhân viên chuyên trách			
5.5. Tỷ lệ % chi phí khác			
Tổng cộng:	100%	100%	100%

6. Thương nhân có sở hữu website thương mại điện tử không ? (chỉ chọn 1 câu trả lời)

☐ Có ☒ Không

Nếu có, địa chỉ của website:.....

7. Thương nhân có ứng dụng thương mại điện tử trên thiết bị di động không ? (chỉ chọn 1 câu trả lời)

☐ Có ☒ Không

8. Thương nhân có đặt hàng qua mạng Internet (bằng email, qua các sàn giao dịch thương mại điện tử, tại website của đối tác, qua các trang mạng xã hội) ít nhất một lần/tháng không ? (chọn cho từng năm)

- 8.1. Năm 2023: ☐ Có ☒ Không
- 8.2. Năm 2024: ☐ Có ☒ Không
- 8.3. Dự kiến năm 2025: ☐ Có ☒ Không

9. Thương nhân có nhận đơn đặt hàng qua mạng Internet (bằng email, qua các sàn giao dịch thương mại điện tử, tại website của đối tác, qua các trang mạng xã hội) ít nhất một lần/tháng không ? (chọn cho từng năm)

- 9.1. Năm 2023: ☐ Có ☒ Không
- 9.2. Năm 2024: ☐ Có ☒ Không
- 9.3. Dự kiến năm 2025: ☐ Có ☒ Không

10. Tỷ lệ giá trị mua hàng trực tuyến trong tổng giá trị mua hàng của thương nhân (bao gồm trực tuyến và truyền thống) theo từng năm:

- 10.1. Năm 2023:0.....%
- 10.2. Năm 2024:0.....%
- 10.3. Dự kiến năm 2025:0.....%

11. Tỷ lệ giá trị bán hàng trực tuyến trong tổng giá trị bán hàng của thương nhân (bao gồm trực tuyến và truyền thống) theo từng năm:

- 11.1. Năm 2023:0.....%
- 11.2. Năm 2024:0.....%
- 11.3. Dự kiến năm 2025:0.....%

12. Doanh thu thương mại điện tử

- 12.1. Năm 2023:0.....VNĐ.
- 12.2. Năm 2024:0.....VNĐ.
- 12.3. Dự kiến năm 2025:0.....VNĐ.

13. Tình hình sử dụng dịch vụ công trực tuyến (chọn cho từng năm)

- 13.1. Năm 2023: ☐ Có ☒ Không
- 13.2. Năm 2024: ☐ Có ☒ Không
- 13.3. Dự kiến năm 2025: ☐ Có ☒ Không

13.4 Nếu đã từng sử dụng, đánh giá mức độ hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến

☐ Rất hài lòng

☐ Tương đối hài lòng

☐ Không hài lòng

14. Tình hình cung cấp dịch vụ thương mại điện tử

☒ Có ☐ Không

Nếu có, có thể chọn cung cấp nhiều dịch vụ:

- ☐ Xây dựng và thiết kế website
- ☐ Cung cấp các phần mềm tác nghiệp phục vụ TMĐT
- ☐ Cung cấp giải pháp thanh toán
- ☐ Chứng thực chữ ký điện tử
- ☐ Chứng thực hợp đồng điện tử
- ☐ Tư vấn ứng dụng TMĐT
- ☐ Các dịch vụ giá trị gia tăng khác về TMĐT
- ☒ Dịch vụ hỗ trợ khác (ghi rõ): *Chuyển khoản*

....., ngày..... tháng ... năm 2025

Cán bộ điều tra

(Ký, họ tên)

Người trả lời phiếu

(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Xo
Nguyễn Danh Xơ

Xo
Nguyễn Danh Xơ.

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN
ĐIỀU TRA THỐNG KÊ QUỐC GIA VỀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ
NĂM 2025

Thực hiện Quyết định số 2129/QĐ-BCT ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt Phương án và kinh phí thực hiện nhiệm vụ Điều tra thống kê quốc gia về thương mại điện tử năm 2025	Nghĩa vụ cung cấp thông tin được quy định theo Luật Thống kê
	Các thông tin cung cấp trong phiếu này chỉ phục vụ công tác thống kê và được bảo mật theo Luật định

I. THÔNG TIN CHUNG**1. Tên doanh nghiệp/hộ kinh doanh/hợp tác xã**

..... HỘ KINH DOANH CỦA HANG DỊCH VỤ VẬT TƯ NÚT TỰA RỪNG

(Viết đầy đủ bằng chữ in hoa, có dấu)

Mã số thuế

0	3	0	0	9	0	0	0	8
---	---	---	---	---	---	---	---	---

0	5	0
---	---	---

2. Địa chỉ doanh nghiệp/hộ kinh doanh/hợp tác xã

- Tỉnh/thành phố: Hải Phòng

- Xã/ phường: Thị trấn

- Thôn ấp (số nhà, đường phố): Đài 10, Thôn Ngòi Đám

Mã khu vực

Số máy

- Số điện thoại: 0344.281867

- Số fax:

- Địa chỉ email:

3. Loại hình hoạt động của thương nhân (chỉ chọn 1 câu trả lời)

- ☐ Doanh nghiệp Nhà nước
- ☐ Doanh nghiệp ngoài Nhà nước
- ☐ Doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài
- ☒ Hộ kinh doanh
- ☐ Hợp tác xã

4. Hình thức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ chính của thương nhân (chỉ chọn 1 câu trả lời)

- ☐ Trực tiếp sản xuất, kinh doanh hàng hóa
- ☒ Kinh doanh hàng hóa
- ☐ Cung ứng dịch vụ

5. Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ chính của thương nhân (chỉ chọn 1 câu trả lời)

- ☒ Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản
- ☐ Khai khoáng
- ☐ Công nghiệp chế biến, chế tạo
- ☐ Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí
- ☐ Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải
- ☐ Xây dựng
- ☐ Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác
- ☐ Vận tải, kho bãi
- ☐ Dịch vụ lưu trú và ăn uống
- ☐ Thông tin và truyền thông
- ☐ Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm
- ☐ Hoạt động kinh doanh bất động sản
- ☐ Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ
- ☐ Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ
- ☐ Giáo dục và đào tạo
- ☐ Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội
- ☐ Nghệ thuật, vui chơi và giải trí
- ☐ Hoạt động dịch vụ khác

II. TÌNH HÌNH ỨNG DỤNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

1. Thương nhân có sử dụng hợp đồng điện tử không ? (chỉ chọn 1 câu trả lời)

☐ Có

☒ Không

2. Thương nhân có sử dụng phần mềm tác nghiệp phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ không ? (chỉ chọn 1 câu trả lời)

☐ Có

☒ Không

Nếu có, có thể chọn 1 hoặc nhiều phần mềm tác nghiệp phục vụ hoạt động thương mại điện tử sau:

- ☐ Phần mềm quản lý bán hàng
- ☐ Các công cụ phân tích thương mại điện tử (Google Analytics,...)
- ☐ Kế toán, tài chính
- ☐ Quản lý hệ thống cung ứng (SCM)
- ☐ Quan hệ khách hàng (CRM)
- ☐ Lập kế hoạch nguồn lực (ERP)
- ☐ Digital marketing
- ☐ Phần mềm khác (ghi rõ tên phần mềm):

3. Thương nhân có áp dụng biện pháp bảo mật công nghệ thông tin và thương mại điện tử không? (chỉ chọn 1 câu trả lời)

☒ Có

☐ Không

Nếu có, chọn 1 hoặc nhiều biện pháp bảo mật công nghệ thông tin và thương mại điện tử sau:

- ☒ Tường lửa
- ☒ Phần mềm diệt virus
- ☐ Chữ ký số
- ☐ Biện pháp khác:.....

4. Thương nhân tham gia giao dịch thông qua website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử năm nào ? (chọn cho từng năm)

4.1. Năm 2023:

☐ Có

☒ Không

4.2. Năm 2024:

☐ Có

☒ Không

4.3. Dự kiến năm 2025:

☐ Có

☒ Không

5. Tỷ lệ chi phí đầu tư các hạng mục trong tổng chi phí mua sắm, trang bị, ứng dụng công nghệ thông tin và thương mại điện tử trong các năm 2023, 2024 và dự kiến năm 2025 là ? (tổng tỷ lệ 5 nội dung phải bằng 100%)

Nội dung chi phí	Năm 2023	Năm 2024	Dự kiến 2025
5.1. Tỷ lệ % chi phí mua, nâng cấp, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống cơ sở hạ tầng và phần cứng	0	0	0
5.2. Tỷ lệ % chi phí mua, thuê các phần mềm máy tính, các ứng dụng	0	0	0
5.3. Tỷ lệ % chi phí đào tạo, tập huấn, hướng dẫn nhân viên sử dụng phần cứng và phần mềm	0	0	0
5.4 Tỷ lệ % chi phí tiền lương trả cho nhân viên chuyên trách	0	0	0
5.5. Tỷ lệ % chi phí khác	0	0	0
Tổng cộng:	100%	100%	100%

6. Thương nhân có sở hữu website thương mại điện tử không ? (chỉ chọn 1 câu trả lời)

☐ Có

☒ Không

Nếu có, địa chỉ của website:.....

7. Thương nhân có ứng dụng thương mại điện tử trên thiết bị di động không ? (chỉ chọn 1 câu trả lời)

☒ Có

☐ Không

8. Thương nhân có đặt hàng qua mạng Internet (bằng email, qua các sàn giao dịch thương mại điện tử, tại website của đối tác, qua các trang mạng xã hội) ít nhất một lần/tháng không ? (chọn cho từng năm)

- 8.1. Năm 2023: ☐ Có ☒ Không
- 8.2. Năm 2024: ☐ Có ☒ Không
- 8.3. Dự kiến năm 2025: ☒ Có ☐ Không

9. Thương nhân có nhận đơn đặt hàng qua mạng Internet (bằng email, qua các sàn giao dịch thương mại điện tử, tại website của đối tác, qua các trang mạng xã hội) ít nhất một lần/tháng không ? (chọn cho từng năm)

- 9.1. Năm 2023: ☐ Có ☒ Không
- 9.2. Năm 2024: ☒ Có ☐ Không
- 9.3. Dự kiến năm 2025: ☒ Có ☐ Không

10. Tỷ lệ giá trị mua hàng trực tuyến trong tổng giá trị mua hàng của thương nhân (bao gồm trực tuyến và truyền thống) theo từng năm:

- 10.1. Năm 2023:0.....%.
- 10.2. Năm 2024:0.....%.
- 10.3. Dự kiến năm 2025:5.....%.

11. Tỷ lệ giá trị bán hàng trực tuyến trong tổng giá trị bán hàng của thương nhân (bao gồm trực tuyến và truyền thống) theo từng năm:

- 11.1. Năm 2023:0.....%.
- 11.2. Năm 2024:0.....%.
- 11.3. Dự kiến năm 2025:0.....%.

12. Doanh thu thương mại điện tử

- 12.1. Năm 2023:0.....VNĐ.
- 12.2. Năm 2024:0.....VNĐ.
- 12.3. Dự kiến năm 2025:0.....VNĐ.

13. Tình hình sử dụng dịch vụ công trực tuyến (chọn cho từng năm)

- 13.1. Năm 2023: ☐ Có ☒ Không
- 13.2. Năm 2024: ☐ Có ☒ Không
- 13.3. Dự kiến năm 2025: ☐ Có ☒ Không

13.4 Nếu đã từng sử dụng, đánh giá mức độ hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến

☐ Rất hài lòng

☐ Tương đối hài lòng

☐ Không hài lòng

14. Tình hình cung cấp dịch vụ thương mại điện tử

☐ Có ☒ Không

Nếu có, có thể chọn cung cấp nhiều dịch vụ:

- ☐ Xây dựng và thiết kế website
- ☐ Cung cấp các phần mềm tác nghiệp phục vụ TMĐT
- ☐ Cung cấp giải pháp thanh toán
- ☐ Chứng thực chữ ký điện tử
- ☐ Chứng thực hợp đồng điện tử
- ☐ Tư vấn ứng dụng TMĐT
- ☐ Các dịch vụ giá trị gia tăng khác về TMĐT
- ☐ Dịch vụ hỗ trợ khác (ghi rõ):

....., ngày..... tháng ... năm 2025

Cán bộ điều tra

(Ký, họ tên)

Người trả lời phiếu

(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Tung
Nguyễn Danh Tung

Tung
Nguyễn Danh Tung

BỘ CÔNG THƯƠNG

Phiếu điều tra số:

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN
ĐIỀU TRA THỐNG KÊ QUỐC GIA VỀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ
NĂM 2025

Thực hiện Quyết định số 2129/QĐ-BCT ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt Phương án và kinh phí thực hiện nhiệm vụ Điều tra thống kê quốc gia về thương mại điện tử năm 2025	Nghĩa vụ cung cấp thông tin được quy định theo Luật Thống kê
	Các thông tin cung cấp trong phiếu này chỉ phục vụ công tác thống kê và được bảo mật theo Luật định

I. THÔNG TIN CHUNG**1. Tên doanh nghiệp/hộ kinh doanh/hợp tác xã**..... HỘ KINH DOANH NGUYỄN DANH THUẬN

(Viết đầy đủ bằng chữ in hoa, có dấu)

Mã số thuế

030089012

016

2. Địa chỉ doanh nghiệp/hộ kinh doanh/hợp tác xã- Tỉnh/thành phố:..... Hải Phòng- Xã/ phường:..... Hà Tây- Thôn ấp (số nhà, đường phố):..... Thôn Ngòi Đám

Mã khu vực

Số máy

- Số điện thoại:..... 0934.324.289

- Số fax:.....

- Địa chỉ email:.....

3. Loại hình hoạt động của thương nhân (chỉ chọn 1 câu trả lời)

- ☐ Doanh nghiệp Nhà nước
- ☐ Doanh nghiệp ngoài Nhà nước
- ☐ Doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài
- ☒ Hộ kinh doanh
- ☐ Hợp tác xã

4. Hình thức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ chính của thương nhân (chỉ chọn 1 câu trả lời)

- ☒ Trực tiếp sản xuất, kinh doanh hàng hóa
- ☐ Kinh doanh hàng hóa
- ☐ Cung ứng dịch vụ

5. Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ chính của thương nhân (chỉ chọn 1 câu trả lời)

- ☐ Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản
- ☐ Khai khoáng
- ☒ Công nghiệp chế biến, chế tạo
- ☐ Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí
- ☐ Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải
- ☐ Xây dựng
- ☐ Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác
- ☐ Vận tải, kho bãi
- ☐ Dịch vụ lưu trú và ăn uống
- ☐ Thông tin và truyền thông
- ☐ Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm
- ☐ Hoạt động kinh doanh bất động sản
- ☐ Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ
- ☐ Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ
- ☐ Giáo dục và đào tạo
- ☐ Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội
- ☐ Nghệ thuật, vui chơi và giải trí
- ☐ Hoạt động dịch vụ khác

II. TÌNH HÌNH ỨNG DỤNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

1. Thương nhân có sử dụng hợp đồng điện tử không ? (chỉ chọn 1 câu trả lời)

☐ Có ☒ Không

2. Thương nhân có sử dụng phần mềm tác nghiệp phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ không ? (chỉ chọn 1 câu trả lời)

☐ Có ☒ Không

Nếu có, có thể chọn 1 hoặc nhiều phần mềm tác nghiệp phục vụ hoạt động thương mại điện tử sau:

- | Phần mềm quản lý bán hàng
- | Các công cụ phân tích thương mại điện tử (Google Analytics,...)
- | Kế toán, tài chính
- | Quản lý hệ thống cung ứng (SCM)
- | Quan hệ khách hàng (CRM)
- | Lập kế hoạch nguồn lực (ERP)
- | Digital marketing
- | Phần mềm khác (ghi rõ tên phần mềm):

3. Thương nhân có áp dụng biện pháp bảo mật công nghệ thông tin và thương mại điện tử không? (chỉ chọn 1 câu trả lời)

☐ Có ☒ Không

Nếu có, chọn 1 hoặc nhiều biện pháp bảo mật công nghệ thông tin và thương mại điện tử sau:

- | Tường lửa
- | Phần mềm diệt virus
- | Chữ ký số
- | Biện pháp khác:.....

4. Thương nhân tham gia giao dịch thông qua website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử năm nào ? (chọn cho từng năm)

4.1. Năm 2023: ☐ Có ☒ Không

4.2. Năm 2024: ☒ Có ☐ Không

4.3. Dự kiến năm 2025: ☒ Có ☐ Không

5. Tỷ lệ chi phí đầu tư các hạng mục trong tổng chi phí mua sắm, trang bị, ứng dụng công nghệ thông tin và thương mại điện tử trong các năm 2023, 2024 và dự kiến năm 2025 là ? (tổng tỷ lệ 5 nội dung phải bằng 100%)

Nội dung chi phí	Năm 2023	Năm 2024	Dự kiến 2025
5.1. Tỷ lệ % chi phí mua, nâng cấp, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống cơ sở hạ tầng và phần cứng	0	5	10
5.2. Tỷ lệ % chi phí mua, thuê các phần mềm máy tính, các ứng dụng	0	0	0
5.3. Tỷ lệ % chi phí đào tạo, tập huấn, hướng dẫn nhân viên sử dụng phần cứng và phần mềm	0	0	0
5.4 Tỷ lệ % chi phí tiền lương trả cho nhân viên chuyên trách	0	0	0
5.5. Tỷ lệ % chi phí khác	0	95	90
Tổng cộng:	100%	100%	100%

6. Thương nhân có sở hữu website thương mại điện tử không ? (chỉ chọn 1 câu trả lời)

☐ Có ☒ Không

Nếu có, địa chỉ của website:.....

7. Thương nhân có ứng dụng thương mại điện tử trên thiết bị di động không ? (chỉ chọn 1 câu trả lời)

☐ Có ☒ Không

8. Thương nhân có đặt hàng qua mạng Internet (bằng email, qua các sàn giao dịch thương mại điện tử, tại website của đối tác, qua các trang mạng xã hội) ít nhất một lần/tháng không ? (chọn cho từng năm)

- 8.1. Năm 2023: ☐ Có ☒ Không
- 8.2. Năm 2024: ☒ Có ☐ Không
- 8.3. Dự kiến năm 2025: ☒ Có ☐ Không

9. Thương nhân có nhận đơn đặt hàng qua mạng Internet (bằng email, qua các sàn giao dịch thương mại điện tử, tại website của đối tác, qua các trang mạng xã hội) ít nhất một lần/tháng không ? (chọn cho từng năm)

- 9.1. Năm 2023: ☐ Có ☒ Không
- 9.2. Năm 2024: ☐ Có ☒ Không
- 9.3. Dự kiến năm 2025: ☐ Có ☒ Không

10. Tỷ lệ giá trị mua hàng trực tuyến trong tổng giá trị mua hàng của thương nhân (bao gồm trực tuyến và truyền thống) theo từng năm:

- 10.1. Năm 2023:0.....%
- 10.2. Năm 2024:0.....%
- 10.3. Dự kiến năm 2025:0.....%

11. Tỷ lệ giá trị bán hàng trực tuyến trong tổng giá trị bán hàng của thương nhân (bao gồm trực tuyến và truyền thống) theo từng năm:

- 11.1. Năm 2023:0.....%
- 11.2. Năm 2024:0.....%
- 11.3. Dự kiến năm 2025:0.....%

12. Doanh thu thương mại điện tử

- 12.1. Năm 2023:0.....VNĐ.
- 12.2. Năm 2024:0.....VNĐ.
- 12.3. Dự kiến năm 2025:0.....VNĐ.

13. Tình hình sử dụng dịch vụ công trực tuyến (chọn cho từng năm)

- 13.1. Năm 2023: ☐ Có ☒ Không
- 13.2. Năm 2024: ☐ Có ☒ Không
- 13.3. Dự kiến năm 2025: ☐ Có ☒ Không

13.4 Nếu đã từng sử dụng, đánh giá mức độ hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến

☐ Rất hài lòng

☐ Tương đối hài lòng

☐ Không hài lòng

14. Tình hình cung cấp dịch vụ thương mại điện tử

☒ Có ☐ Không

Nếu có, có thể chọn cung cấp nhiều dịch vụ:

- ☐ Xây dựng và thiết kế website
- ☐ Cung cấp các phần mềm tác nghiệp phục vụ TMĐT
- ☐ Cung cấp giải pháp thanh toán
- ☐ Chứng thực chữ ký điện tử
- ☐ Chứng thực hợp đồng điện tử
- ☐ Tư vấn ứng dụng TMĐT
- ☐ Các dịch vụ giá trị gia tăng khác về TMĐT

☒ Dịch vụ hỗ trợ khác (ghi rõ): ... Chuyển khoản qua ứng dụng TTĐT ...

....., ngày..... tháng ... năm 2025

Cán bộ điều tra

(Ký, họ tên)

Người trả lời phiếu

(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên, đóng dấu)


Nguyễn Danh Thuận


Nguyễn Danh Thuận